

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT (DVSC)

194 Nguyễn Công Trứ, Q1, TPHCM
ĐT: (84.8) 39.144.288 – Fax: (84.8) 39.144.268

CHI NHÁNH HÀ NỘI

96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84.4) 37.263.808 – Fax: (84.4) 37.263.809


www.dvsc.com.vn

NỘI DUNG

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG	2
1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	2
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	2
3. PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG	3
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	3
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NĂM 2010	4
2. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM	4
3. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	6
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2010	6
2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM	7
3. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2010	11
4. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DVSC NĂM 2010	12
5. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH TẾ-THỊ TRƯỜNG NĂM 2011	14
6. KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA DVSC NĂM 2011	15
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	17
V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	34
1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	34
2. BAN ĐIỀU HÀNH	34
3. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM	35
4. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BGD, BKS, KTT	35
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG	36
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
2. BAN KIỂM SOÁT	37
3. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN	38

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

- ◆ Tên gọi của Công ty : **Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt**
- ◆ Tên tiếng Anh : **Dai Viet Securities Corporation**
- ◆ Tên tiếng Anh viết tắt : **DVSC**
- ◆ Trụ sở chính : 194 Nguyễn Công Trứ, Q1, TPHCM
- ◆ Điện thoại : (84.8) 39.144.288
- ◆ Fax : (84.8) 39.144.268
- ◆ Website : www.dvsc.com.vn
- ◆ Email : info@dvsc.com.vn
- ◆ Logo : 

- ◆ Vốn điều lệ : **250.000.000.000** đồng
- ◆ Giấy phép thành lập : 15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006.
- ◆ Mã số thuế : 0304407252
- ◆ Ngành nghề kinh doanh :
 - Môi giới chứng khoán
 - Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
 - Hoạt động lưu ký chứng khoán
 - Tự doanh chứng khoán.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

16/6/2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (DVSC) được thành lập với vốn điều lệ 10 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900 do Sở KH-ĐT TPHCM cấp (đăng ký lần đầu). Trụ sở chính đặt tại Lầu 3, Toà nhà StarView, 63A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TPHCM.
28/6/2006	DVSC chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép số 15/UBCK-GPHĐKD của UBCKNN.
28/9/2006	DVSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TPHCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM – HOSE).
05/12/2006	DVSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – HNX).
19/12/2006	DVSC được Sở KH-ĐT TPHCM cấp thay đổi Giấy CNĐKKD lần 1, theo đó vốn điều lệ mới của DVSC là 44 tỷ đồng.
05/02/2007	DVSC chuyển trụ sở về Lầu 2 & 4, Toà nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Q1, TPHCM.
02/4/2007	DVSC tăng vốn lên 250 tỷ đồng, được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ của 1 công ty chứng khoán, gồm: Môi giới, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành và Tư vấn.
04/4/2008	UBCK có Quyết định số 261/QĐ-UBCK chấp thuận cho DVSC thành lập Chi nhánh Hà Nội tại 18 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội.
20/3/2009	UBCK có Quyết định số 218/UBCK-GP chấp thuận cho DVSC được rút bớt nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành.
24/02/2010	DVSC chuyển Chi nhánh Hà Nội về 96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Quyết định số 130/QĐ-UBCK của UBCK.

3. PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp các dịch vụ có giá trị gia tăng và độ tin cậy cao
- ❖ **Đối với cổ đông:** Tối đa hoá lợi ích của cổ đông
- ❖ **Đối với nhân viên:** Trở thành lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực tài chính
- ❖ **Đối với xã hội:** Luôn là công dân tốt

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- ❖ **Sứ mệnh:** Tối đa hoá lợi ích của các cổ đông và khách hàng
- ❖ **Tầm nhìn:** Trở thành một trong những CTCK có tiềm lực tài chính mạnh nhất (TOP 10 các CTCK có vốn điều lệ lớn nhất) và đứng vào TOP 10 CTCK dẫn đầu về thị phần môi giới, trở thành ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp
- ❖ **Giá trị cốt lõi:** An toàn, đạo đức và xây dựng các mối quan hệ bền chặt
- ❖ **Mục tiêu:** Niêm yết, tăng vốn, tái cấu trúc và mở rộng mạng lưới, phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản trị.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NĂM 2010

Năm 2010 là một năm khó khăn đối với ngành tài chính thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Hàng loạt những bất ổn vĩ mô trên thế giới như khủng hoảng nợ châu Âu, căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên và những tranh chấp ở khu vực Trung Đông... Kinh tế thế giới phục hồi chậm chạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Trong nước lạm phát và tỷ giá tiếp tục là đề tài nóng. Lãi suất lên cao gây khó khăn cho nền kinh tế. Thị trường chứng khoán đã có sự điều chỉnh từ mức 494.77 điểm vào ngày 31/12/2009 xuống 478.75 điểm vào ngày 29/12/2010.

Trong bối cảnh đầy khó khăn, kết quả kinh doanh của Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DVSC) đã không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	% TH so với KH
I.	Tổng doanh thu	111,609,468,400	69,157,575,375	61.96%
1	Môi giới chứng khoán	33,673,815,456	10,936,860,632	32.48%
2	Đầu tư CK, góp vốn	13,000,000,000	9,769,589,709	75.15%
4	Tư vấn TCDN	448,000,000	2,411,272,727	538.23%
5	Hoạt động khác	64,487,652,944	46,211,037,163	71.66%
II.	Tổng chi phí	50,909,400,000	60,219,440,542	118.29%
III.	LNTT	60,700,068,400	8,938,134,833	14.73%

Điều cần lưu ý là kế hoạch năm 2010 được xây dựng trên bối cảnh nền kinh tế năm 2009 phục hồi khá ấn tượng đi kèm với triển vọng phục hồi mạnh mẽ của thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, thực tế những gì diễn ra trong năm 2010 lại hoàn toàn khác.

So với kế hoạch, doanh thu của Công ty năm 2010 chỉ đạt 62.12%, lợi nhuận trước thuế 14.73%. Tuy nhiên, trong năm 2010 Công ty cũng đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ như doanh thu tư vấn tăng gấp 5 lần, từng bước cơ cấu lại danh mục đầu tư phù hợp với tình hình chung của thị trường, sàng lọc và sắp xếp lại nhân sự...

2. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- ❖ Ngày 18/01/2010, HĐQT ban hành Quyết định số 02/2010/QĐ-HĐQT về việc chuyển địa điểm chi nhánh Hà Nội (từ 18 Núi Trúc, Q.Ba Đình sang 96 Bà Triệu, Q.Hoàn Kiếm) từ ngày 5/2/2010;
- ❖ Ngày 17/3/2010, HĐQT ban hành Quyết định số 06/2010/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Lý giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 17/3/2010;
- ❖ Ngày 20/5/2010, HĐQT ban hành Quyết định số 08/2010/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Lý giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội từ ngày 24/5/2010;

- ❖ Ngày 21/7/2010, HĐQT ban hành Quyết định số 11/2010/QĐ-HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Thái Tấn Dũng và bà Võ Thị Huyền Lan từ ngày 21/7/2010;
- ❖ Ngày 30/8/2010, HĐQT ban hành Quyết định số 12/2010/QĐ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Quyền Tổng giám đốc đối với ông Hoàng Văn Tụ từ ngày 6/9/2010;
- ❖ Ngày 30/8/2010, HĐQT ban hành Quyết định số 13/2010/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Hữu Lý từ ngày 6/9/2010 đến 6/12/2010;
- ❖ Ngày 28/12/2010, HĐQT trị ban hành Quyết định số 22/2010/QĐ-HĐQT về việc gia hạn chức vụ Quyền Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Hữu Lý từ ngày 6/12/2010 đến 6/3/2011.

3. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011

Năm 2011 được dự đoán nền kinh tế sẽ tiếp tục tăng trưởng nhưng với tốc độ chậm lại và bền vững hơn. Do đó, khả năng hồi phục của thị trường chứng khoán được đánh giá cao nhưng sẽ không có nhiều đột biến.

Với áp lực lạm phát như cuối năm 2010 và đầu 2011 thì việc áp dụng các chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ sẽ ảnh hưởng không tốt đối với dòng tiền đi vào thị trường, mặt bằng lãi suất cao gây bất lợi cho các doanh nghiệp trong việc duy trì và thúc đẩy sản xuất kinh doanh cũng như hạn chế dòng tín dụng vào kênh chứng khoán và bất động sản.

Tuy nhiên, mặt bằng giá cổ phiếu hiện đang rất hấp dẫn đối với các nhà đầu tư dài hạn. Tình hình kinh tế vĩ mô sẽ dần ổn định sau khi các gói giải pháp của Chính phủ được thực thi. Đó chính là những yếu tố thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển và tăng trưởng bền vững trong năm 2011.

Năm 2011, DVSC sẽ tập trung vào 3 yếu tố chính là vốn, công nghệ và con người. Về vốn, DVSC sẽ nâng cao năng lực tài chính từ các nguồn như tái cơ cấu danh mục đầu tư, xử lý thu hồi nợ, liên kết với các tổ chức tài chính... Về công nghệ, DVSC sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng, phần cứng và phần mềm nhằm ổn định hệ thống, phát triển thêm nhiều tiện ích mới cho khách hàng. Về con người, DVSC chú trọng tìm kiếm bổ sung nhân sự các vị trí chủ chốt, các khâu còn yếu và thiếu.

Về kết quả kinh doanh, dự kiến năm 2011 lợi nhuận sau thuế của Công ty khoảng 15-16 tỷ đồng. Mặc dù đây là con số khá khiêm tốn, nhưng trong bối cảnh hiện nay, để đạt được chỉ tiêu này trở thành một thách thức rất lớn.

Hội đồng quản trị cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty quyết tâm sẽ tiếp tục chung sức phấn đấu đưa Công ty vượt qua khó khăn, giành lấy vị trí danh giá trên thị trường để đáp ứng được sự mong đợi của quý cổ đông và khách hàng.

III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2010

Kinh tế thế giới 2010 trải qua một năm đầy những diễn biến bất ngờ: Sự phục hồi không đồng đều giữa các khu vực, khủng hoảng nợ công lan rộng ở khu vực châu Âu, nguy cơ lạm phát khiến nhiều nước quyết định thắt chặt chính sách tiền tệ...

Kinh tế Mỹ tăng trưởng với tốc độ chậm dần trong Quý 1 (2,7%) và Quý 2 (1,6%) đã trở nên khả quan hơn vào Quý 3 (2,5%) và những tháng cuối năm. Trước tốc độ phục hồi thấp hơn kỳ vọng và chưa thật vững chắc, chính quyền nước này quyết định đưa ra gói chính sách nới lỏng định lượng lần 2 trị giá 600 tỷ USD vào đầu tháng 11. Bên cạnh đó, chính quyền Mỹ cũng đã tiếp tục gia hạn chương trình cắt giảm thuế trị giá 858 tỷ USD. Các quyết sách của nền kinh tế lớn nhất thế giới đã phát huy hiệu quả nhất định vào những tháng cuối năm. Các số liệu công bố ngày 23/12 về tình trạng thất nghiệp, lạm phát, chỉ tiêu tiêu dùng và khu vực sản xuất đều cho thấy dấu hiệu khả quan.

Trong khi đó, vấn đề nợ công đã làm chao đảo uy tín và vị trí của các nền kinh tế khu vực châu Âu, khiến xu hướng hồi phục sau khủng hoảng tại đây diễn ra khá chậm chạp. GDP Q1/2010 của khu vực này chỉ đạt mức 0,2%, Q2 tăng lên 1% và Q3 đã giảm xuống chỉ còn 0,4%. Tỷ lệ thất nghiệp đã vượt mức 2 con số, còn tốc độ tăng CPI đã là 1,9% - tiến gần đến mức 2%, mức lạm phát cho phép của ECB.

Điểm sáng trong bức tranh kinh tế thế giới năm qua chính là châu Á. Tăng trưởng tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á đã đạt khoảng 9,5% trong nửa đầu năm, cao hơn hẳn con số 3,5% của các quốc gia phát triển. Trung Quốc đã cho thấy một tốc độ tăng trưởng đáng kinh ngạc: 11,9% trong Q1 và 10,3% trong Q2, thay thế Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, và 9,6% trong Q3.

Trái ngược với sự phục hồi khả quan tại Đông Á, kinh tế Nhật Bản năm qua phải đối phó với tình trạng giảm phát và nỗ lực duy trì đà phục hồi của nền kinh tế. Cùng lúc đó, tình trạng tăng giá nhanh và kéo dài của đồng yen đã đe dọa tới tăng trưởng thông qua hoạt động xuất khẩu. Chính phủ Nhật lần đầu tiên trong 6 năm qua đã can thiệp thị trường tiền tệ thông qua kế hoạch 920 tỷ yen tương đương 11 tỷ USD vào tháng 9/2010.

Các chính sách kích thích kinh tế phục hồi sau khủng hoảng thường kéo theo hậu quả là lạm phát. Thêm vào đó, việc các dòng vốn nóng có xu hướng chảy mạnh vào thị trường các nước mới nổi, nơi đang có sự phục hồi kinh tế tốt nhất càng khiến áp lực lạm phát tại các nước này gia tăng. Trước nguy cơ lạm phát ngày càng gia tăng, chính phủ nhiều nước đã thực hiện các động thái thắt chặt tiền tệ thông qua điều chỉnh lãi suất.

Đối với thị trường chứng khoán, các chỉ số chứng khoán chính của Mỹ đều tăng điểm, trong khi thị trường các khu vực còn lại chưa có sự phục hồi rõ ràng.

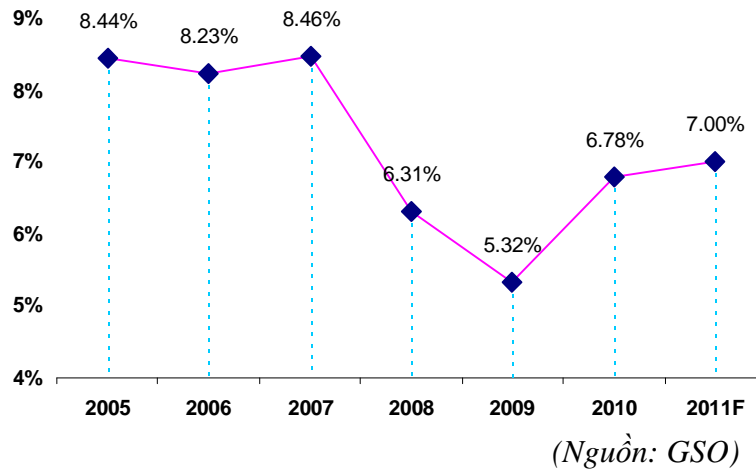
Khu vực	Chỉ số chứng khoán	31/12/2009	31/12/2010	+/-
Mỹ	Dow Jones	10,428.05	11,577.51	11.02%
	S&P 500	1,115.10	1,257.64	12.78%
	NASDAQ	2,269.15	2,652.87	16.91%
Châu Âu	FTSE 100	5,412.88	5,899.94	9.00%
	CAC 40	3,936.33	3,804.78	-3.34%
Châu Á	Shanghai	3,277.14	2,808.08	-14.31%
	Nikkei 225	10,546.44	10,228.92	-3.01%
	Hangseng	21,872.50	23,035.45	5.32%

2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM

❖ Kinh tế phục hồi

Theo xu hướng phục hồi chung của thế giới, kinh tế Việt Nam năm 2010 tăng 6,78%, cao hơn so với mức 5,23% của năm 2009 và đã vượt chỉ tiêu 6,5% đề ra. Với mức tăng này, Việt Nam trở thành nước có mức tăng trưởng GDP cao nhất trong khu vực và là một trong những nước tăng trưởng cao trên thế giới.

Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm

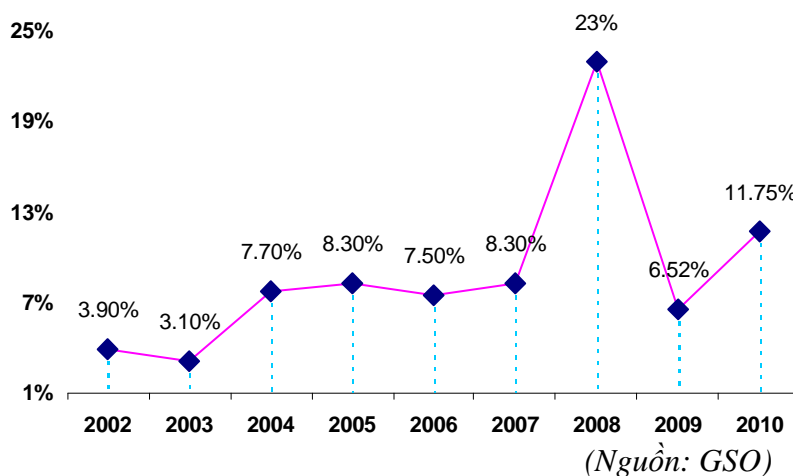


Tốc độ tăng trưởng GDP được cải thiện dần qua các quý. Trong khi tăng trưởng Q1 chỉ đạt 5,84%, là quý có tốc độ tăng thấp nhất trong năm, thì các quý còn lại của năm 2010 tốc độ tăng trưởng lần lượt là 6,44%, 7,18% và 7,34%.

❖ Lạm phát diễn biến phức tạp

Năm 2010 lạm phát có những diễn biến phức tạp. Từ đầu năm đến cuối tháng 8 chỉ số giá tiêu dùng diễn biến theo chiều hướng ổn định ở mức tương đối thấp, trừ hai tháng đầu năm CPI ở mức cao do ảnh hưởng bởi những tháng Tết. Tuy nhiên, lạm phát đã thực sự trở thành mối lo ngại từ tháng 9 khi CPI tăng bắt đầu xu hướng tăng cao. Lạm phát năm 2010 là 11,75% vượt xa so với mục tiêu kiềm chế lạm phát cả năm dưới 8% mà Quốc hội đề ra.

CPI tăng bình quân hàng năm

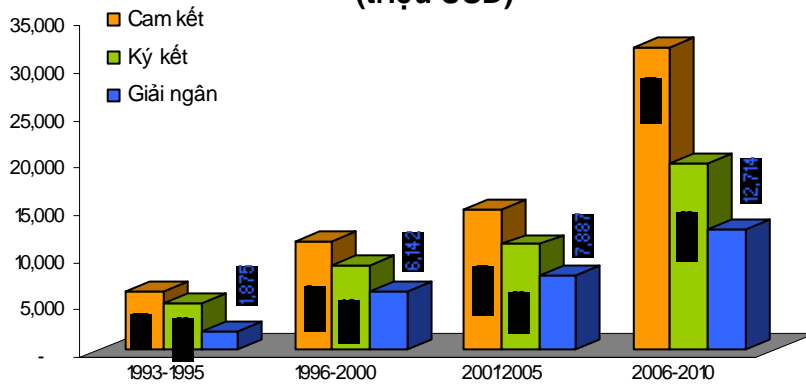


❖ Các dòng vốn nước ngoài vẫn đổ vào Việt Nam

Một trong những điểm sáng của bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2010 đó là tình hình thu hút và giải ngân nguồn vốn ODA. Tổng giá trị giải ngân vốn ODA năm 2010 ước đạt 3,5 tỷ USD, đạt xấp xỉ 144,2% kế hoạch cả năm. Trong đó, vốn vay khoảng 3,2 tỷ USD, viện trợ không hoàn lại khoảng 300 triệu USD. Như vậy, so với mức giải ngân ODA năm 2009, giải ngân theo các chương trình dự án năm 2010 tăng khoảng 30% đạt 2,942 tỷ USD.

Cũng trong năm 2010, tổng giá trị vốn ODA được ký kết thông qua các Hiệp định ước đạt 3,172 tỷ USD, trong đó vốn vay đạt 3,034 tỷ USD, viện trợ không hoàn lại đạt 138 triệu USD. Như vậy, mức ký kết ODA năm 2010 thấp hơn dự kiến (4,093 tỷ USD) chủ yếu do chậm trễ trong việc chuẩn bị các thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án.

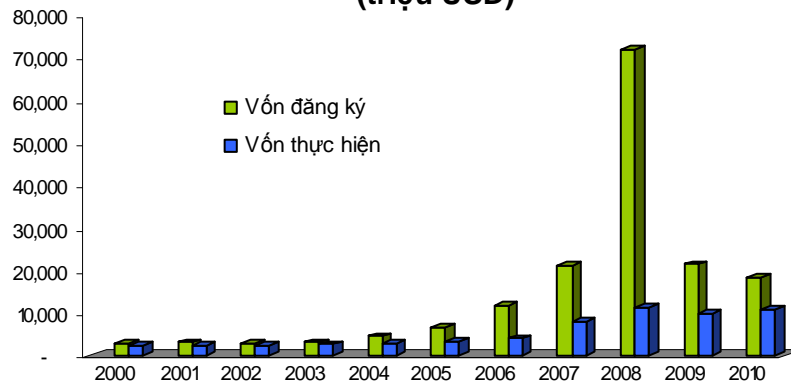
Tình hình thu hút ODA
(triệu USD)



(Nguồn: Bộ KHĐT)

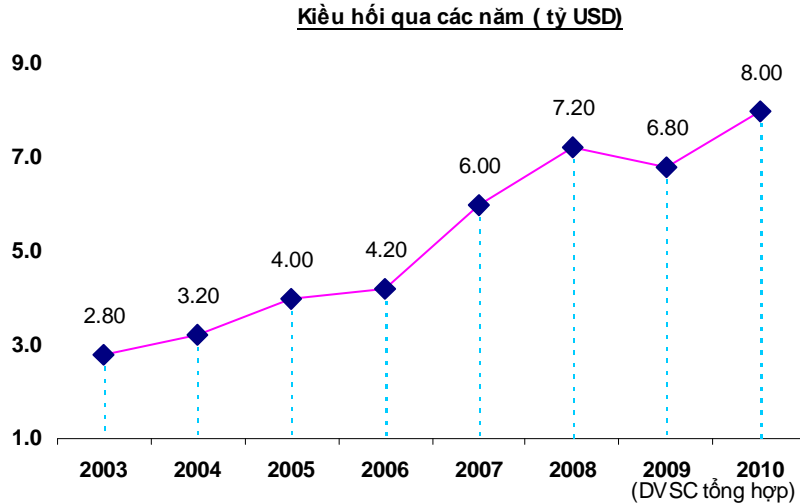
Thu hút **vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)** đạt 18.6 tỷ USD, thấp hơn so với con số 21,48 tỷ USD trong năm 2009 nhưng đây là một con số đáng kể trong bối cảnh khó khăn của kinh tế thế giới và các nhà đầu tư phải thu hẹp hoạt động ở khắp nơi. Vốn FDI thực hiện trong năm 2010 đạt 11 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2009.

Tình hình thu hút FDI
(triệu USD)



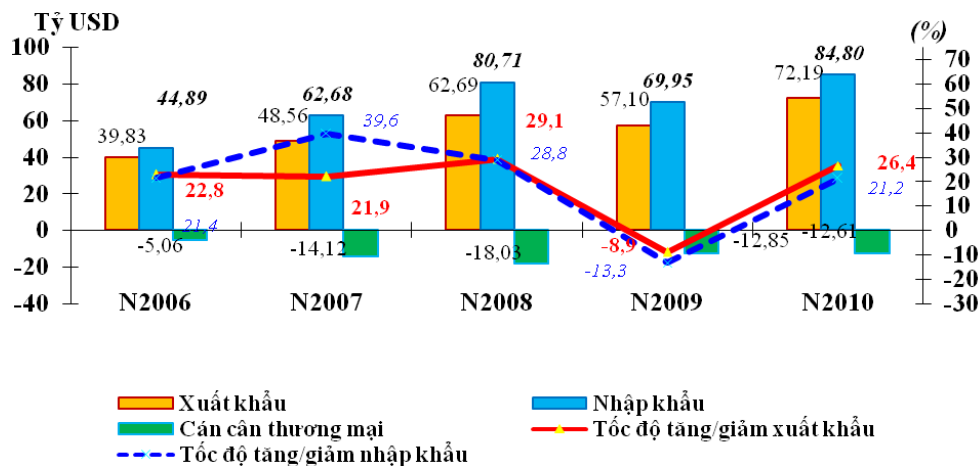
(Nguồn: Bộ KHĐT)

Lượng **kiều hối** chuyển về Việt Nam trong năm 2010 đã vượt xa con số dự báo 6 tỷ USD khi đạt trên 8 tỷ USD. Một kỷ lục mới đã được thiết lập. Kiều hối năm 2010 tăng 25,6% so với năm 2009.



❖ **Tình trạng nhập siêu có phần được cải thiện**

So với năm 2009, kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2010 tăng trưởng khá ổn định. Cụ thể, xuất khẩu năm 2010 ước đạt khoảng 72,19 tỷ USD, tăng 26,4% so với năm 2009 và 17% so với kế hoạch, nhập khẩu năm 2010 ước đạt khoảng 84,8 tỷ USD, tăng 21,2% so với năm 2009. Nhập siêu cả năm 2010 ước đạt 12,61 tỷ USD, trước đó, kế hoạch đưa ra từ đầu năm là khoảng 14 tỷ USD, bằng 16,9% tổng kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn so với mức 22,5% của năm 2009.



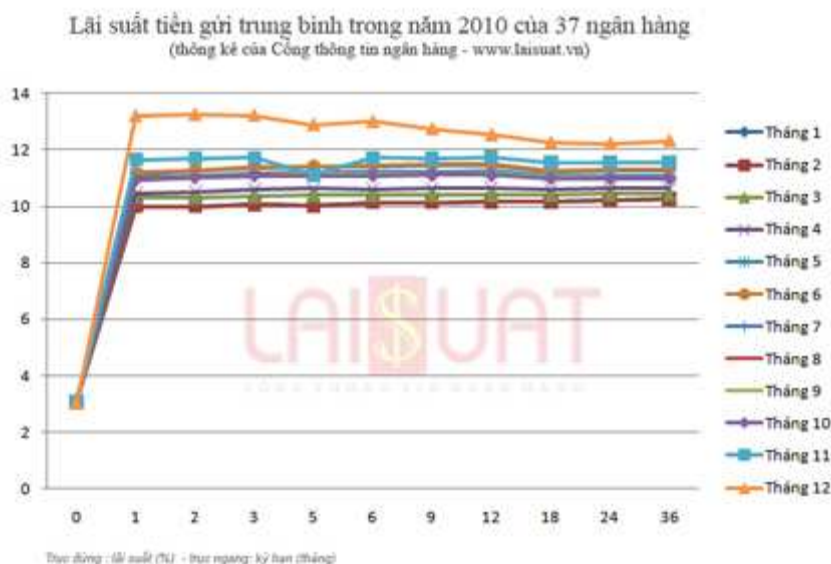
Nguồn: Tổng cục Hải quan

❖ **Thị trường tiền tệ và ngoại hối biến động**

Năm 2010, một năm đầy biến động của thị trường tiền tệ trong nước cũng như trên thế giới, một năm mà nền kinh tế nước ta gặp rất nhiều khó khăn trong giai đoạn phục hồi sau cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009. Trước những biến động đó, thực hiện đồng bộ với các giải pháp của Chính phủ, NHNN điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt nhằm tạo điều kiện hỗ trợ tích cực cho thị trường tiền tệ-tín dụng hoạt động ổn định, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kiềm chế lạm phát gia tăng những tháng cuối năm. Theo đó, NHNN đã duy trì lãi suất cơ bản ổn định ở mức 8% trong suốt 10 tháng đầu năm và thực hiện điều chỉnh lên mức 9% trong 2 tháng cuối năm trước sức ép của lạm phát.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện cho thị trường tiền tệ hoạt động theo quy luật thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, NHNN từng bước bỏ các quy định ràng buộc về các loại lãi suất. Cụ thể, trong năm NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2010/TT-NHNN, Thông tư 07/2010/TT-NHNN, Thông tư 12/2010/TT-NHNN cho phép TCTD được thực hiện cho vay bằng VND theo cơ chế lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, việc điều hành vẫn bị chi phối bởi chính sách kinh tế đa mục tiêu, chịu áp lực lớn từ biện pháp kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

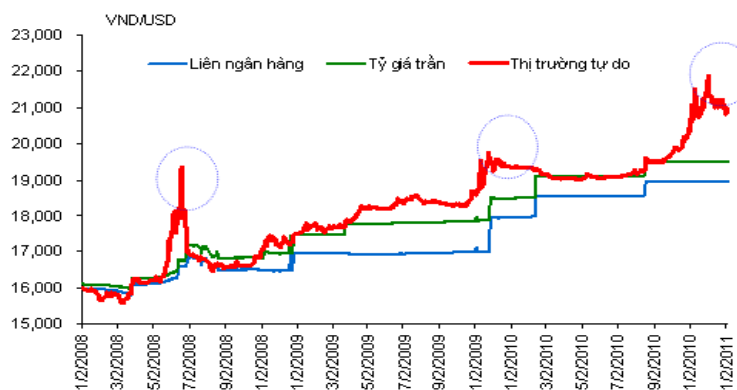
Trong năm 2010, tiếp tục đà tăng vào những tháng cuối năm 2009, lãi suất huy động về cơ bản đã tăng ở những tháng đầu năm, giảm và duy trì ổn định trong Q2 và Q3 và tăng mạnh trong hai tháng cuối năm. Tính đến cuối tháng 12/2010, lãi suất huy động tăng 1,96-3,39 điểm phần trăm cho các kỳ hạn so với cuối năm 2009.



(Nguồn: www.laisuat.com)

Trong nhiều năm trở lại đây, NHNN kiên trì chính sách ổn định đồng tiền Việt Nam so với đồng đô la Mỹ. Diễn biến tỷ giá trong năm 2010 là khá phức tạp. Mặc dù NHNN đã điều chỉnh nâng tỷ giá liên ngân hàng hai lần vào tháng 2 và tháng 10, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do luôn ở mức cao. Tỷ giá chính thức có thời điểm thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do tới 10%. Đến cuối tháng 11 năm 2010, tỷ giá trên thị trường tự do đã đạt mức 21.500 đồng/USD.

Diễn biến tỷ giá USD/VND từ 2008 đến nay



Nguồn: NHNN & Vietstock

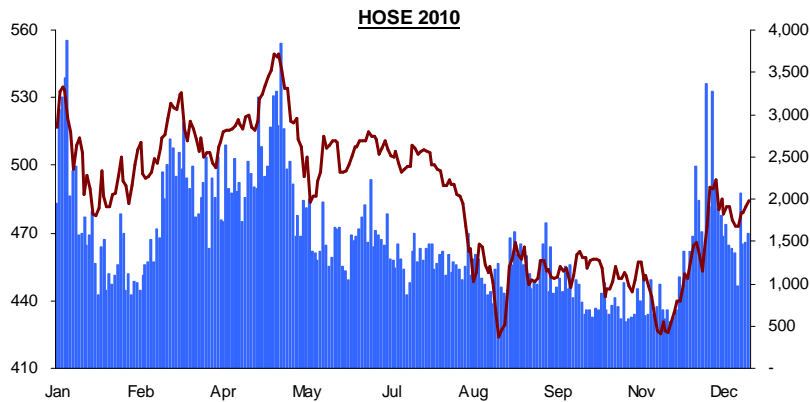
Về cuối năm tỷ giá càng biến động mạnh, thị trường ngoại hối luôn có biểu hiện căng thẳng. Những bất ổn về tỷ giá có nguyên nhân sâu xa từ những bất ổn về kinh tế vĩ mô đó là bội chi cao, nhập siêu lớn và hiệu quả đầu tư công thấp... Bên cạnh đó, hiện tượng đầu cơ và tâm lý cũng gây áp lực mạnh mẽ lên tỷ giá. Những bất ổn trên thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái tiếp tục gây ra những khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Hơn nữa, đồng tiền mất giá còn ảnh hưởng đến lạm phát trong nước do giá hàng nhập khẩu tăng mạnh. Trong bối cảnh lạm phát có xu hướng gia tăng và tính không ổn định trên thị trường tiền tệ, đòi hỏi cần phải có sự lựa chọn linh hoạt cơ chế điều hành tỷ giá để đạt được mục tiêu kiềm chế lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ.

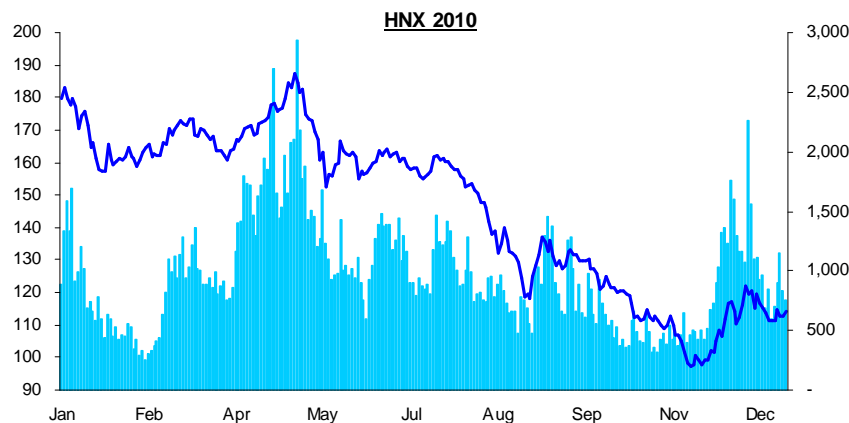
3. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2010

Sau năm 2009 tăng trưởng ấn tượng (trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu nổ ra kể từ cuối năm 2008), thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2010 bước vào giai đoạn điều chỉnh. Sau 1 năm, chứng khoán vẫn chưa quay lại được mức cuối năm 2009.

Tại ngày 31/12/2010, VN-Index là 484,66 điểm, tiến gần tới mốc 494,77 điểm khi kết thúc năm 2009. Mức thấp nhất trong năm là 423,89 điểm xác lập vào ngày 25/8.



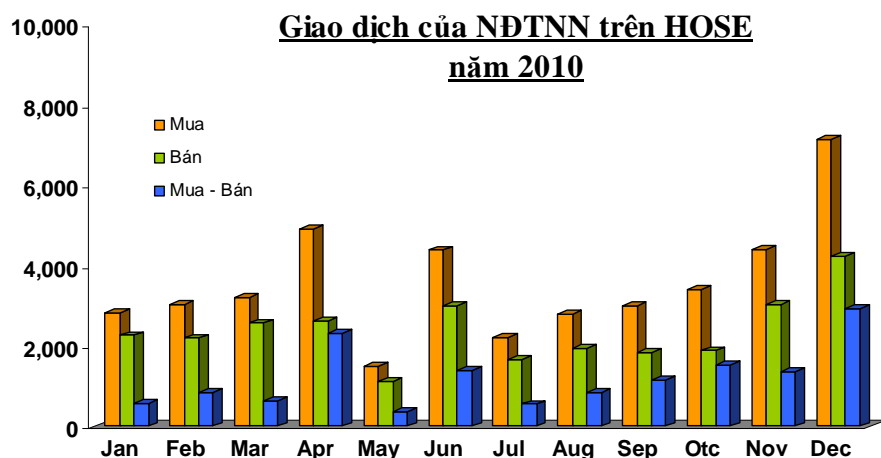
Trong khi đó, HNX-Index đóng cửa năm 2010 tại mức 114,24 điểm, còn cách khá xa mức 168,17 điểm tại thời điểm cuối năm 2009. Mức thấp nhất trong năm của HNX-Index là 97,44 điểm lập vào ngày 16/11.



Tổng giá trị giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ toàn thị trường năm 2010 đạt 622.382 tỷ đồng, thấp hơn 11.326 tỷ đồng so với năm 2009.

Đáng chú ý, số lượng công ty niêm yết tăng mạnh với 187 lên sàn trong năm 2010, bằng 30% tổng số công ty niêm yết của cả giai đoạn 2000-2010.

Năm 2010 khép lại với kỷ lục mới của dòng vốn nước ngoài mua vào cổ phiếu trên thị trường niêm yết, đạt mức 16.146 tỷ đồng. Tỷ trọng vốn vào mất cân đối nghiêm trọng giữa hai sàn. Vốn rông vào HNX chỉ có 891,45 tỷ đồng, chiếm 5,52% tổng lượng vốn. Tại HOSE, trong tổng giá trị vốn mua rông hơn 15.250 tỷ đồng, giá trị vốn rông qua các giao dịch khớp lệnh đạt hơn 13.440 tỷ đồng, chiếm tới 88% tổng giá trị. Giao dịch thỏa thuận chỉ đạt hơn 1.810 tỷ đồng.



(Nguồn: Tổng hợp từ HOSE)

4. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DVSC NĂM 2010

a. Báo cáo tình hình tài chính

+ Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

STT	Chỉ tiêu	Đvt	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	32.72%	52.29%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		67.28%	47.71%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50.92%	28.58%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		49.08%	71.42%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.46	2.25
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.46	2.25
4	Khả năng sinh lời			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	Lần	9.38%	2.25%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		41.24%	12.92%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)		19.12%	3.15%

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2010 là hơn 397 tỷ đồng, giảm 29% so với cuối năm 2009. Tài sản dài hạn là 207,7 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn là 189,5 tỷ đồng.

Xét về cơ cấu nguồn vốn, vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31/12/2010 là 283,6 tỷ đồng, nợ phải trả 113,5 tỷ đồng, hệ số tự chủ tài chính (Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn) đạt 71.42%.

Khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành năm 2010 tăng so với năm 2009 là một dấu hiệu tích cực và đang nằm trong ngưỡng an toàn, nguyên nhân do năm 2010 công ty đã thanh toán được một phần lớn nợ ngắn hạn.

+ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Nguồn kinh phí và các quỹ}}{\text{Số cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}} \\ \text{mỗi cổ phần} &= 11.344 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 là 11.344 đồng tăng 3.02% so với thời điểm 31/12/2009 (11.011 đồng)

b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

+ Cơ cấu cổ đông cuối năm 2010

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổ chức	8.238.650	32,95%	150.000	0,60%	8.388.650	33,55%
Cá nhân	16.568.350	66,27%	43.000	0,45%	16.611.350	66,45%
Tổng	24.807.000	99,23%	193.000	0,77%	25.000.000	100,00%

+ Cơ cấu sở hữu

	KL cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ
Cổ đông nắm giữ trên 5%	18.314.151	183.141.510.000	73,26%
Cổ đông nắm giữ từ 1%-5%	281.000	2.810.000.000	1,12%
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	6.404.849	64.048.490.000	26,74%
Tổng	25.000.000	250.000.000.000	100,00%

c. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	% TH so với KH	Thực hiện 2009	% TH 2010 so với TH 2009
I.	Tổng doanh thu	111,609,468,400	69,157,575,375	61.96%	127,618,300,688	54.19%
1	Môi giới chứng khoán	33,673,815,456	10,936,860,632	32.48%	25,992,674,928	42.08%
2	Đầu tư CK, góp vốn	13,000,000,000	9,769,589,709	75.15%	8,960,013,530	109.04%
4	Tư vấn TCDN	448,000,000	2,411,272,727	538.23%	340,580,372	707.99%
5	Hoạt động khác	64,487,652,944	46,211,037,163	71.66%	92,338,218,449	50.05%
II.	Tổng chi phí	50,909,400,000	60,219,440,542	118.29%	74,989,253,368	80.30%
III.	LNTT	60,700,068,400	8,938,134,833	14.73%	52,629,047,320	16.98%

+ **Doanh thu**

Tổng doanh thu (đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu) của Công ty năm 2010 là 69,2 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch.

Hoạt động môi giới bị ảnh hưởng nặng nề do thị trường chứng khoán năm 2010 không được khả quan. Doanh thu môi giới chỉ đạt 11 tỷ đồng, bằng 32,48% kế hoạch. Năm 2010 phần lớn các công ty chứng khoán không đạt được mục tiêu về kế hoạch doanh thu nghiệp vụ môi giới.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn năm 2010 là gần 9,8 tỷ đồng, bằng 75,15% kế hoạch. Mặc dù vậy, nỗ lực cắt lỗ và tái cơ cấu danh mục trong năm 2010 cũng đã giúp thanh lý một phần danh mục, đảm bảo tính thanh khoản, bổ sung nguồn lực tài chính cho Công ty.

Doanh thu hoạt động tư vấn năm 2010 đạt 2,4 tỷ đồng, cao gấp 5 lần kế hoạch và gấp 6 lần doanh thu tư vấn năm 2009.

Doanh thu từ các hoạt động khác đạt 46,2 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 71,66% kế hoạch do sự sụt giảm của thị trường kéo theo các hoạt động khác cũng diễn biến không mấy tích cực.

+ **Chi phí**

Tổng chi phí của Công ty năm 2010 là 60,2 tỷ đồng, tức chi vượt 18,3% kế hoạch. Chi phí tăng do trích khấu hao tài sản cố định và trích lập dự phòng (giảm giá đầu tư chứng khoán, nợ khó đòi).

+ **Lợi nhuận**

Tổng lợi nhuận Công ty năm 2010 là 9 tỷ đồng, bằng 14,73% kế hoạch. Con số này khá khiêm tốn so với năm 2009 nhưng so với bối cảnh lợi nhuận của các công ty chứng khoán khác thì đây vẫn là một kết quả đáng khích lệ. Theo thống kê thì trong năm 2010 đa số các công ty chứng khoán có cùng quy mô đều đạt lợi nhuận rất thấp và thậm chí một số công ty còn báo cáo lỗ. Có đến 20 trong tổng số 105 công ty chứng khoán thua lỗ trong năm 2010.

5. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH TẾ-THỊ TRƯỜNG NĂM 2011

a. Triển vọng kinh tế thế giới

Tình hình kinh tế chính trị thế giới đầy bất ổn: Liên quân tấn công Libya, chính phủ Canada sụp đổ, tình hình chiến sự ở Yemen và Syria leo thang...

Thiên tai xảy ra nhiều nơi: Động đất ở Nhật Bản và những hệ lụy (sóng thần, nổ nhà máy hạt nhân, phóng xạ phát tán...), động đất ở Myanmar...

Dự báo kinh tế thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2011, nhưng ở mức khiêm tốn, chưa có bước đột phá, vẫn tiềm ẩn nguy cơ tái khủng hoảng.

b. Triển vọng nền kinh tế Việt Nam

Một số chỉ tiêu kinh tế-xã hội đã được Quốc hội thông qua: Tăng trưởng GDP từ 7-7,5%; xuất khẩu tăng 10%, nhập siêu không quá 18% kim ngạch xuất khẩu; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 40% GDP; chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%.

Mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế được xác định là cơ sở, là điều kiện để bảo đảm phát triển bền vững với mức tăng trưởng cao hơn năm 2010 là nhiệm vụ chủ yếu trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ năm 2011.

Mặc dù vậy, đến cuối tháng 3, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 6,12% so với cuối năm 2010, và chỉ tiêu lạm phát không quá 7% cả năm 2011 đến thời điểm này có thể khẳng định là không thể đạt được.

Yếu kém nội tại cộng với những bất ổn kinh tế-chính trị và thiên tai trên thế giới, diễn biến kinh tế trong nước ngày càng trở nên hết sức phức tạp, khó dự báo.

c. Thị trường chứng khoán 2011

Với mục tiêu hàng đầu là ổn định kinh tế vĩ mô, NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng xuống còn 20% so với mức ban đầu là 23%, khống chế cho vay phi sản xuất ở mức 22% thời điểm cuối tháng 6/2011 và 16% thời điểm cuối năm 2011.

Một loạt các chính sách vĩ mô khác cũng đã được ban hành như điều chỉnh tỷ giá, tăng giá điện, giá xăng dầu, tăng lãi suất chiết khấu và tái cấp vốn... Nhìn chung, TTCK năm 2011 dự báo sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

TTCK đã trải qua thời gian hết sức ảm đạm và đầy bi quan trong Q1. Trước những diễn biến mới về tình hình kinh tế, chính trị và thiên tai trên thế giới, TTCK Việt Nam dự báo chưa phục hồi sớm trong thời gian còn lại của năm.

6. KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA DVSC NĂM 2011

a. Phân tích SWOT

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
<ul style="list-style-type: none"> - Là công ty chứng khoán thành lập khá sớm trên thị trường, DVSC đã có được số lượng khách hàng và tên tuổi nhất định - TrustBank là cổ đông lớn, trực tiếp quản trị và hỗ trợ nhiều mặt - Sau các năm 2009 và 2010 đầy khó khăn, lãnh đạo và toàn thể nhân viên đã khẳng định sự quyết tâm cùng nhau đóng góp cho Công ty 	<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng nhân sự của DVSC hiện tại còn khá mỏng so với nhu cầu phát triển của Công ty - Cơ cấu tổ chức bộ máy còn nhiều bất cập; Quy trình quản lý, kiểm soát rủi ro chưa hoàn thiện - Hệ thống công nghệ thông tin chưa chứng tỏ được sức mạnh của mình - Vốn chưa đủ lớn để có thể gia tăng giá trị cho nhà đầu tư - Lỗi luỹ kế lớn làm hạn chế sự lựa chọn của DVSC
Cơ hội (O)	Thách thức (T)
<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường có chiều hướng đi lên cùng với sự phục hồi của kinh tế trong nước và thế giới - Chính phủ quyết tâm cổ phần hoá các doanh nghiệp quốc doanh, thúc đẩy các công ty đại chúng lên sàn - M&A dự báo sẽ sôi động, hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp sẽ nhộn nhịp thời kỳ hậu khủng hoảng - Thị trường trái phiếu mới hình thành sẽ dần trở thành điểm tựa khi thị trường cổ phiếu đi xuống - Ngày càng có nhiều nhà đầu tư mới tham gia thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế phục hồi nhưng với tốc độ chậm và hàm chứa nhiều bất ổn, lạm phát và/hoặc thâm thủng mậu dịch tăng có thể gây ra những tác động tiêu cực rất lớn đối với tâm lý nhà đầu tư - Số lượng cổ phiếu mới được phát hành cũng như niềm yết dự báo là rất đáng kể, và nếu cầu theo không kịp, dòng tiền bị hạn chế có thể gây sức ép giảm giá - Cạnh tranh để chiếm lĩnh thị phần với hơn 100 CTCK khác sẽ là một thách thức to lớn - Các chuẩn mực và yêu cầu về vốn, công nghệ, con người... đối với công ty chứng khoán sẽ được nâng lên

b. Chỉ tiêu kế hoạch 2011

Kế hoạch 2011	
Thị phần môi giới cổ phiếu	1-1.5%
Tổng doanh thu	49,589,296,137
Doanh thu môi giới	13,725,267,305
Doanh thu tự doanh	10,325,608,740
Doanh thu phí tư vấn tài chính doanh nghiệp	1,623,000,000
Doanh thu khác	23,915,420,091
Tổng chi phí	34,532,263,345
Lợi nhuận trước thuế	15,057,032,791

Lưu ý: Đây chỉ là kế hoạch dự kiến của DVSC. Kế hoạch kinh doanh cuối cùng sẽ do ĐHĐCĐ thông qua.

- + **Môi giới:** Tập trung duy trì và chăm sóc khách hàng hiện có, đồng thời phát triển khách hàng mới; Phát triển sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ nhằm gia tăng tính cạnh tranh: Hỗ trợ mua T, hỗ trợ vốn hợp tác kinh doanh, ứng trước tiền bán chứng khoán online, triển khai Cash Margin, Stock Margin...
- + **Tự doanh:** Tái cơ cấu danh mục hiện có nhằm tạo thanh khoản và bổ sung vốn cho các hoạt động khác của Công ty.
- + **Tư vấn:** Năm 2010 DVSC đã ký kết các hợp đồng tư vấn mới cho việc thực hiện vào năm 2011. Công việc tìm kiếm khách hàng trong năm 2011 sẽ được đẩy mạnh: (1) Theo dõi sát hoạt động của các khách hàng và đối tác hiện có để kịp thời đề xuất cung cấp các dịch vụ tư vấn; (2) Tiếp cận với các doanh nghiệp thông qua đầu mối là các hiệp hội doanh nghiệp; (3) Tìm kiếm khách hàng thông qua các mối quan hệ sẵn có...
- + **IT:** Chuẩn hóa hệ thống, quy trình phát triển phần mềm ứng dụng, đảm bảo tính an toàn, hiệu quả và tiện ích; Xây dựng website mới; Phát triển các tiện ích mới...
- + **Phân tích:** Thực hiện phân tích ngành, đăng báo, tổ chức hội thảo; Tư vấn cho các nhà đầu tư; Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu đủ mạnh, tiến tới thực hiện việc xếp hạng tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam.
- + **Hành chính-Nhân sự:** Xây dựng lại hệ thống thang bảng lương trên cơ sở tham khảo mặt bằng chung trong lĩnh vực chứng khoán; Rà soát, điều chỉnh và tích cực thực hiện các chế độ dành cho CBNV; Chuẩn bị các chương trình tuyển dụng, đào tạo; Tiết kiệm tối đa các chi phí hành chính.
- + **Các công tác khác:** Tìm kiếm địa điểm mới, lên kế hoạch di chuyển trụ sở chính; Thiết lập quan hệ với các tổ chức tài chính (ngân hàng, công ty tài chính, quỹ đầu tư...) nhằm tăng cường khả năng hỗ trợ nhà đầu tư; Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38.205.944 - 38.205.947 • Fax: 38.205.942
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: 287/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
*Về Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31/12/2010
của Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Đại Việt*

Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Đại Việt
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Đại Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT** lập ngày 18/03/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến :

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đại Việt** (đính kèm Báo cáo kiểm toán này) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.


TP. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số
0479/KTV

Kiểm toán viên



Tạ Quang Tạo
Chứng chỉ kiểm toán viên số
D0055/ KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiêu	Mã số	T.mình	Đơn vị : VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		189.449.425.623	377.354.071.012
<i>I Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	1	33.954.527.843	138.439.451.964
1. Tiền	111		33.954.527.843	138.439.451.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<i>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	2	1.423.343.188	13.779.247.570
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.093.146.244	15.136.810.678
2. Dự phòng giảm giá Đầu tư ngắn hạn (*)	129		(669.803.056)	(1.357.563.108)
<i>III Các khoản phải thu</i>	130	3	153.305.067.684	224.831.363.418
1. Phải thu của khách hàng	131		60.600.000	181.018.180
2. Trả trước cho người bán	132		131.736.000	131.736.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		170.160.621.984	134.830.194.271
5. Các khoản phải thu khác	138		8.520.027.417	92.083.943.088
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(25.567.917.717)	(2.395.578.171)
<i>IV Hàng tồn kho</i>	140		0	0
<i>V Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	4	766.486.908	304.008.060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		594.774.019	230.834.658
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		171.712.889	73.173.402
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.669.015.066	183.551.235.835
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		22.081.245.657	23.468.991.367
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	12.603.308.663	15.039.354.084
- Nguyên giá	222		20.082.367.832	19.982.627.832
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.479.059.169)	(4.943.273.748)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	9.477.936.994	1.691.869.371
- Nguyên giá	228		11.022.524.966	2.225.197.054
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.544.587.972)	(533.327.683)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	0	6.737.767.912
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	181.791.458.296	157.561.173.394
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		218.369.082.307	221.056.927.865
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		218.369.082.307	221.056.927.865
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
4. Đầu tư dài hạn khác	258		37.450.000.000	42.250.000.000
5. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (*)	259		(74.027.624.011)	(105.745.754.471)



V. Tài sản dài hạn khác	260	11	3.796.311.113	2.521.071.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		339.863.450	530.916.230
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.840.522.803	1.314.094.424
4. Tài sản dài hạn khác	268		615.924.860	676.060.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		397.118.440.689	560.905.306.847
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả	300		113.505.189.897	285.626.773.606
I. Nợ ngắn hạn	310		84.102.766.349	258.367.073.606
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	40.894.370.000	0
2. Phải trả cho người bán	312		0	0
3. Người mua trả tiền trước	313		0	403.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	570.341.933	1.130.564.595
5. Phải trả người lao động	315		473.216.000	1.120.144.500
6. Chi phí phải trả	316		415.387.120	503.975.842
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	14	33.653.592.503	164.607.876.203
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	15	100.158.405	1.282.635.000
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.189.265	1.189.265
11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	328	16	7.994.511.123	89.317.688.201
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		0	0
II. Nợ dài hạn	330		29.402.423.548	27.259.700.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		24.162.740.000	27.259.700.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.239.683.548	
9. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		0	0
B. Vốn chủ sở hữu	400		283.613.250.792	275.278.533.241
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	283.613.250.792	275.278.533.241
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		138.575.000.000	138.575.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.420.254.000	7.420.254.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(112.382.003.208)	(120.716.720.759)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		397.118.440.689	560.905.306.847


 CÔNG
 NHẬN
 HỮU T
 HÌNH K
 KIỂM
 PHÍA N
 TP. H

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký	006	395.097.270.000	345.791.850.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	377.482.040.000	345.189.520.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	27.960.500.000	31.423.240.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	342.987.520.000	306.906.850.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	6.534.020.000	6.859.430.000
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	4.097.380.000	602.330.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	4.097.380.000	602.330.000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		
6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	9.022.580.000	
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	8.966.580.000	
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	56.000.000	
6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	4.495.270.000	
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	4.494.640.000	
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	630.000	
6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	37.513.130.000	
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	37.513.130.000	
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	21.310.000.000	
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	16.203.130.000	
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	19.807.480.000	
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		



TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Võ Thị Hồng Thanh

Trần Thị Rồng

Nguyễn Hữu Lý

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2010

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01.1	19	69.328.760.231	127.631.487.279
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.2		10.936.860.632	25.992.674.928
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.3		9.769.589.709	8.960.013.530
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.4		0	0
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.411.272.727	340.580.372
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		0	0
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		0	0
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		0	0
- Doanh thu khác	01.9		46.211.037.163	92.338.218.449
2. Các khoản giảm trừ	02		171.184.856	13.186.591
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.157.575.375	127.618.300.688
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	21.537.417.641	59.614.047.970
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		47.620.157.734	68.004.252.718
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	38.841.919.978	15.820.909.227
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.778.237.756	52.183.343.491
8. Thu nhập khác	31		214.897.077	560.984.105
9. Chi phí khác	32		55.000.000	115.280.276
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		159.897.077	445.703.829
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.938.134.833	52.629.047.320
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	0	0
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.938.134.833	52.629.047.320
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		357	2.105



TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng






Vũ Chi Hồng Thanh

Trần Chí Rồng

Nguyễn Hữu Lý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị: VND Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	8.938.134.833	52.629.047.320
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.547.045.710	2.789.259.194
Các khoản dự phòng	03	(9.233.500.916)	(66.974.552.933)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.192.681.500)	(7.562.640.159)
Chi phí lãi vay	06	1.631.627.542	710.000.000
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi</i>	08	(3.309.374.331)	(18.408.886.578)
<i>Vốn lưu động</i>			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	49.453.745.530	(148.023.413.934)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(211.598.773.611)	196.730.283.519
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(172.886.581)	1.960.081.502
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.631.627.542)	(710.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(290.220.225)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	244.816.139.055	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(225.850.650.634)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(148.583.648.339)	31.548.064.509
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(2.159.300.000)	(1.820.423.729)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		75.538.840.953
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.001.471.500	7.562.640.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.842.171.500	81.281.057.383
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	535.562.674.000	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(494.668.304.000)	(48.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(164.862.915)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(637.817.282)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.256.552.718	(48.164.862.915)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(104.484.924.121)	64.664.258.977
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	138.439.451.964	73.775.192.987
A ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	33.954.527.843	138.439.451.964

CÔNG
 CHỨC
 CHỨC VỤ
 CHÍNH
 VÀ KIẾT
 PHIA
 TP.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vh

Maik

Võ Thị Hồng Thanh

Trần Thị Hồng

TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2010

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán ĐẠI VIỆT được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103004900 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 15/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 6 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, thay đổi vốn điều lệ, trụ sở và nghiệp vụ hoạt động đã được chuẩn y theo các văn bản sau :

- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103004900 thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Giấy phép điều chỉnh số 97/UBCK-GPĐCCTCK ngày 21/12/2007 và các Quyết định số 825/QĐ-UBCK ngày 25/12/2006, số 107/QĐ-UBCK ngày 05/2/2007, số 239/QĐ-UBCK ngày 02/4/2007, số 218/UBCK-GP ngày 20/3/2009 và số 342/UBCK-GP ngày 18/8/2010 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

- Quyết định số 497/QĐ-BTC ngày 10 tháng 3 năm 2009 do Bộ Tài chính cấp.

- Quyết định số 261/QĐ-UBCK ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp về việc chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán và các quyết định số 414/QĐ-UBCK ngày 13/7/2009, số 130/QĐ-UBCK ngày 24/2/2010, số 589/QĐ-UBCK ngày 26/07/2010 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi chấp thuận thành lập Chi nhánh Công ty chứng khoán.

Theo các Giấy phép và Quyết định trên, Vốn điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 VND, các loại hình kinh doanh của Công ty bao gồm :

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 2 & 4 số 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 – TP. HCM.

Chi nhánh Hà Nội : Tầng 2 số 96 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2015 bao gồm :

Ông Hứa Xường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Đỗ Hoàng Linh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Bà Ngô Nguyễn Đoàn Trang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Ngô Trí Đức	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Bà Lê Thị Bích Thủy	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Nguyễn Thành Duy	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010

Ban kiểm soát :

Ông Mai Thành Phú	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Thương Chí Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010

Các thành viên của Ban Điều hành

Ông Nguyễn Hữu Lý	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/08/2010
Bà Đào Thị Ngọc Huyền	Phó Giám đốc Chi nhánh	Bổ nhiệm ngày 01/04/2010



II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU :

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng :

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 25/03/2006 và Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Hình thức kế toán áp dụng : Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền :

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

Các khoản đầu tư vào Công ty con : không phát sinh.

Các khoản vốn góp liên doanh : không phát sinh.

Các khoản đầu tư chứng khoán : chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác : chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn : lập dự phòng căn cứ theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu :

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị sổ kế toán các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình :

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình (nếu có) được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình :

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình (nếu có) được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.



Khấu hao và khấu trừ :

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được tính như sau:

Phương tiện vận tải	08 năm
Dụng cụ quản lý	02 - 08 năm
Phần mềm vi tính, bản quyền phần mềm	08 năm

Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng thuê.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo vốn thực góp.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo vốn thực góp.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác của chủ sở hữu : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng tài chính : trích lập từ Lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận căn cứ lợi nhuận phát sinh lũy kế năm trước cộng lợi nhuận phát sinh kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng đúng nguyên tắc này khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ :

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán :

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi :

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức :

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

32000
CÔNG
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHIA
TP. H

Nguyên tắc ghi nhận Chứng khoán và Dự phòng giảm giá chứng khoán:

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của cổ phiếu một cách tin cậy chắc chắn, dự phòng được lập dựa trên chênh lệch giá trị ghi sổ và giá trị theo sổ sách của mỗi cổ phiếu trên báo cáo tài chính của đơn vị phát hành.

Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế phải nộp trong kỳ kế toán được tính bằng thuế suất thuế thu nhập hiện hành và lợi nhuận tính thuế phát sinh trong kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh.

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ (*)	34.983.903	35.305.666
Tiền gửi ngân hàng (**)	33.919.543.940	138.404.146.298
Tiền đang chuyển	0	0
Các khoản tương đương tiền	0	0
Tổng	33.954.527.843	138.439.451.964

(*) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt, Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt và sổ kế toán tài khoản tại ngày 31/12/2010

(**) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2010 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch, bao gồm :

Tiền gửi của Công ty	165.793.032
Ngân hàng BIDV-HCM	39.654.112
Tư doanh Ngân hàng BIDV-HCM	1.707.928
Ngân hàng BIDV - CN, Ba Đình HN	12.045.290
Ngân hàng ACB - HCM	2.620.100
Ngân hàng Đông Á-HCM	1.048.840
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	1.580.800
Ngân hàng TMCP Phương Đông-HCM	838.198
Ngân hàng Quân Đội -CN Cát Lái-HCM	767.282
Ngân hàng Đại Tín Hà Nội	18.919.278
Ngân hàng Vietcombank-HCM	1.430.255
Ngân hàng ANZ - HCM	18.323.315
Ngân hàng BIDV TG TTbù trừ GDCK của Cty CK	66.857.634
Tiền gửi của Nhà đầu tư	32.376.821.561
Ngân hàng BIDV	3.372.832.202
TK thu thuế thu nhập cá nhân nhà đầu tư	2
Ngân hàng BIDV - Hà Nội	263.235.638
Ngân hàng Eximbank	84.587.128
Ngân hàng Quân Đội	651.703
Ngân hàng Quân Đội - Tiền gửi đầu giá	728.909
Ngân hàng Quân Đội - Tiền gửi chi trả cổ tức	1.391.762
Ngân hàng Phương Đông	597.925
Ngân hàng BIDV - TK mua thêm cổ phiếu Thủy điện Miền Nam	70.632.306
Ngân hàng Phương Đông - Tiền gửi tạm ứng	623.918
Ngân hàng Đại Tín -	1.244.037.899
Ngân hàng Đại Tín HN - Tạm ứng cho NĐT	20.902.390.565
Ngân hàng Đại Tín - Tạm ứng cho NĐT Đại Tín Hàm Nghi	3.042.829.919
Ngân hàng Đại Tín HN - (Rút - Nộp)	1.063.613.864
Ngân hàng Đại Tín HN- (CT SHP)	177.198.170
Ngân hàng TMCP Đại Tín Sài Gòn	2.148.497.934
Ngân hàng Quân Đội - TK THU THUE TNCN	2.971.717



<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ</i>	1.376.929.347
Ngân hàng BIDV- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán nhà đầu tư trong nước Upcom	2.559.598
Ngân hàng BIDV – Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán nhà đầu tư trong nước BOCS	1.292.724.798
Ngân hàng BIDV- NĐT chuyển sang BIDV	67.612.134
Ngân hàng BIDV - Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài	14.032.817
Cộng	33.919.543.940

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn	2.093.146.244	15.136.810.678
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	2.093.146.244	15.136.810.678
- Đầu tư ngắn hạn khác	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (***)	(669.803.056)	(1.357.563.108)
Tổng	1.423.343.188	0

(*) Đầu tư chứng khoán ngắn hạn là tổng giá trị cổ phiếu tự doanh mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2010.

(***) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn là khoản trích lập dự phòng căn cứ Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng	60.600.000	181.018.180
Trả trước cho người bán	131.736.000	131.736.000
Phải thu nội bộ		
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	170.160.621.984	134.830.194.271
Phải thu khác (**)	8.520.027.417	92.083.943.088
Dự phòng phải thu khó đòi	(25.567.917.717)	(2.395.528.121)
Tổng	153.305.067.684	224.831.363.418

(*) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán tại ngày 31/12/2010 bao gồm :

Phải thu khách hàng giao dịch chứng khoán (ứng mua, hỗ trợ vốn)	162.823.697.436
Phải thu khách hàng giao dịch chứng khoán (ứng bán)	1.393.300.000
Phải thu khách hàng giao dịch chứng khoán (phí ứng bán, hỗ trợ vốn)	5.943.624.548
Cộng	170.160.621.984

(**) Phải thu khác tại ngày 31/12/2010 bao gồm

Phải thu tiền mua hộ nhân viên cổ phiếu Bourbon Tây Ninh	2.415.582.620
Phải thu tiền cổ phiếu của nhân viên đã nghỉ	161.250.000
Cổ tức chưa nhận	2.191.210.000
Phải thu hộ Đại Tín ứng bán	2.944.370.000
Thù lao Hội đồng quản trị	451.856.594
Các khoản phải thu khác	355.758.203
Cộng	8.520.027.417

4. Tài sản ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	594.774.019	230.834.658
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	0	0
Các khoản thuế phải thu	0	0
Tài sản ngắn hạn khác (**)	171.712.889	73.173.402
Tổng	766.486.908	304.008.060



(*) Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí sửa chữa văn phòng TP. HCM, chi phí bảo trì phần mềm, chi phí thuê văn phòng TP. HCM và chi nhánh Hà Nội, ...

(**) Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng của nhân viên Công ty và khoản ký quỹ, bao gồm :

Tạm ứng cho nhân viên văn phòng TP. HCM	101.907.787
Tạm ứng cho nhân viên Chi nhánh Hà Nội	60.805.102
Ký quỹ của văn phòng TP. HCM	8.000.000
Ký quỹ của Chi nhánh Hà Nội	1.000.000
Cộng	171.712.889

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm :

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của Công ty chứng khoán	3.462.407	103.153.315.997
- Cổ phiếu	3.462.407	103.153.315.997
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
b. Của nhà đầu tư	197.526.188	6.511.570.430.203
- Cổ phiếu	192.393.908	6.121.289.210.203
- Trái phiếu	3.900.000	375.756.800.000
- Chứng khoán khác	1.232.280	14.524.420.000
Tổng	200.988.595	6.614.723.746.200

6. Tình hình đầu tư tài chính :

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	Ghi chú
		số kế toán	Tăng	Giảm		
I. Chứng khoán thương mại	72.995	2.093.146.244		669.803.056	1.423.343.188	
II. Chứng khoán đầu tư	6.918.337	218.369.082.307	-	60.740.364.011	157.628.718.296	
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.918.337	218.369.082.307		60.740.364.011	157.628.718.296	
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn						
III. Đầu tư góp vốn						
IV. Đầu tư tài chính khác	374,5	37.450.000.000		13.287.260.000	24.162.740.000	
- Chứng chỉ quỹ ủy thác của nhà đầu tư	374,5	37.450.000.000		13.287.260.000	24.162.740.000	



7. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm	624.738.707	19.277.906.657	79.982.468	19.982.627.832
- Mua trong năm	0	78.940.000	20.800.000	99.740.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành				
- Tăng khác				
- Chuyển sang BĐS đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	624.738.707	19.356.846.657	100.782.468	20.082.367.832
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	243.988.162	4.674.291.083	24.994.503	4.943.273.748
- Khấu hao trong năm	79.569.939	2.446.217.671	9.997.811	2.535.785.421
- Tăng khác				
- Chuyển sang BĐS đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	323.558.101	7.120.508.754	34.992.314	7.479.059.169
Giá trị còn lại của TSCĐHH				
Tại ngày đầu năm	380.750.545	14.603.615.574	54.987.965	15.039.354.084
Tại ngày cuối năm	301.180.606	12.236.337.903	65.790.154	12.603.308.663



8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền Bảng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	573.439.092	1.651.757.962	2.225.197.054
- Mua trong năm	0	8.797.327.912	8.797.327.912
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
- Tăng do hợp nhất kinh doanh			
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	573.439.092	10.449.085.874	11.022.524.966
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	155.718.636	377.609.047	533.327.683
- Khấu hao trong năm	71.679.888	939.580.401	1.011.260.289
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	227.398.524	1.317.189.448	1.544.587.972
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	417.720.456	1.274.148.915	1.691.869.371
- Tại ngày cuối năm	346.040.568	9.131.896.426	9.477.936.994

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	0	6.737.767.912
Xây dựng cơ bản	0	0
Sửa chữa lớn TSCĐ	0	0
Tổng	0	6.737.767.912

10. Đầu tư tài chính dài hạn :

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con		
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Đầu tư chứng khoán dài hạn	218.369.082.307	221.056.927.865
- Chứng khoán sẵn sàng để bán (*)	218.369.082.307	221.056.927.865
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Đầu tư dài hạn khác (**)	37.450.000.000	42.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư dài hạn (***)	(74.027.624.011)	(105.745.754.471)
Tổng	181.791.458.296	157.561.173.394

(*) Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm :

Phân loại	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán niêm yết	2.806.589	96.305.119.507
Chứng khoán chưa niêm yết	4.111.748	122.063.962.800
Cộng	6.918.337	218.369.082.307

(**) Đầu tư dài hạn khác là khoản chứng khoán ủy thác Chứng chỉ quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt

(***) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2010 bao gồm :



Phân loại	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	96.305.119.507	50.740.364.011
Chứng khoán chưa niêm yết	122.063.962.800	10.000.000.000
Chứng khoán ủy thác	37.450.000.000	13.287.260.000
Cộng	255.819.082.307	74.027.624.011

11. Tài sản dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn (*)	339.863.450	530.916.230
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán (**)	2.840.522.803	1.314.094.424
Tài sản dài hạn khác (***)	615.924.860	676.060.420
Tổng	3.796.311.113	2.521.071.074

(*) Chi phí trả trước dài hạn là chi phí sửa chữa, trang bị cho văn phòng chi nhánh Hà Nội.

(**) Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán bao gồm :

Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.541.383.785
<i>Tiền nộp bổ sung từ 2006 đến 2009</i>	<i>1.170.951.349</i>
<i>Tiền nộp bổ sung năm 2010</i>	<i>1.370.432.436</i>
Tiền lãi phân bổ trong năm	179.139.018
<i>Tiền lãi phân bổ từ 2006 đến 2009</i>	<i>23.143.075</i>
<i>Tiền lãi phân bổ năm 2010</i>	<i>155.995.943</i>
Cộng	2.840.522.803

12. Vay ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (*)	40.894.370.000	0
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Tổng	40.894.370.000	0

(*) Vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 đã được Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Tín xác nhận, bao gồm :

Vay theo hợp đồng 043.002.10/HỆTD-NH	20.000.000.000
Nhà đầu tư vay ứng bán	20.894.370.000
Cộng	40.894.370.000

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng	364.992.274	939.952.148
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	0
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	0
- Thuế thu nhập cá nhân	55.046.625	187.990.881
- Thuế tài nguyên	0	0
- Thuế nhà đất	0	0
- Tiền thuế đất	0	0
- Thuế khác (Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư)	150.303.034	2.621.566
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	0	0
Tổng	570.341.933	1.130.564.595

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán :

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư trong nước	6.852.971.800	
Tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản công ty	26.800.620.703	164.607.876.203
Cộng	33.653.592.503	164.607.876.203

15. Phải trả hệ Cổ tức, gốc và lãi trái phiếu :

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hệ cổ tức chứng khoán niêm yết		
Phải trả hệ cổ tức chứng khoán OTC	100.158.405	1.282.635.000
Tổng	100.158.405	1.282.635.000

Điều chỉnh số dư đầu kỳ : chuyển cổ tức của Công ty cổ phần đầu tư TMDV Điện lực (32.300.000 VND) và Công ty Bía Sài Gòn Miền Trung (1.250.335.000 VND) từ khoản mục Phải trả khác sang khoản mục Phải trả hệ Cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Cần đối phải thu và phải trả trong giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư bao gồm :

Tiền gửi của Nhà đầu tư	32.376.821.561	
Tiền gửi thanh toán bù trừ (của nhà đầu tư)	1.376.929.347	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		33.653.592.503
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		100.158.405
Cộng	33.753.750.908	33.753.750.908

16. Các khoản phải trả phải nộp khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm xã hội	13.341.562	43.542.715
Phải trả cổ phần hóa		
Phải trả gốc cầm cố ngân hàng		
Doanh thu chưa thực hiện		
Các khoản phải nộp khác (*)	7.981.169.561	89.274.145.486
Tổng	7.994.511.123	89.317.688.201

(*) Các khoản phải nộp khác tại ngày 31/12/2010 bao gồm :

Phải trả cổ tức DVSC cho cổ đông	407.566.800
Phải trả thanh toán bù trừ tự doanh	697.299.392
Phải trả Ngân hàng TMCP Đại Tín	6.813.977.759
Phải trả khác	62.325.610
Cộng	7.981.169.561

Điều chỉnh số dư đầu kỳ : chuyển cổ tức của Công ty cổ phần đầu tư TMDV Điện lực (32.300.000 VND) và Công ty Bia Sài Gòn Miền Trung (1.250.335.000 VND) từ khoản mục Phải trả khác sang khoản mục Phải trả hộ Cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.



17. Phải trả dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện (*)	5.239.683.548	
Phải trả dài hạn khác (**)	24.162.740.000	27.259.700.000
Tổng	29.402.423.548	27.259.700.000

(*) Doanh thu chưa thực hiện là khoản lãi hỗ trợ kinh doanh do Công ty tự tính và không được sự xác nhận tại ngày 31/12/2010 của những đối tượng được tính hỗ trợ.

(**) Phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 được trình bày như sau :

Phải trả người ủy thác đầu tư (Chứng chỉ Quỹ Bản Việt)	37.450.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(13.287.260.000)
Cộng	24.162.740.000

Khoản dự phòng chứng khoán giảm trong năm là 1.703.040.000 VND không tính vào thu nhập năm 2010 của Công ty. Khoản dự phòng giảm do bán 48 Chứng chỉ quỹ Bản Việt.

18. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000			250.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	138.575.000.000			138.575.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu				
Cổ phiếu quỹ				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản				
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
Quỹ đầu tư phát triển				
Quỹ dự phòng tài chính	7.420.254.000			7.420.254.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(120.716.720.759)	8.938.134.833	(*) 603.417.282	(112.382.003.208)
Tổng	275.278.533.241	8.938.134.833	603.417.282	283.613.250.792

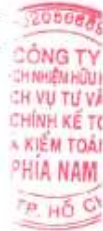
(*) Số giảm trong năm bao gồm :	
Nộp thuế truy thu và phạt thuế theo Quyết định 4218	448.404.558
Nộp phạt theo Quyết định 87 (truy thu VAT 2008)	76.752.754
Nộp phạt do kê khai bổ sung VAT 2009	78.259.970
Cộng	603.417.282

19. Doanh thu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.936.860.632	25.992.674.928
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	9.769.589.709	8.960.013.530
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.411.272.727	340.580.372
Doanh thu khác (*)	46.211.037.163	92.338.218.449
Các khoản giảm trừ doanh thu	(171.184.856)	(13.186.591)
Tổng	69.157.575.375	127.618.300.688

(*) Chi tiết doanh thu khác năm 2010 bao gồm :

Hoàn nhập dự phòng	29.157.779.371
Lãi tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư	536.925.587
Lãi tiền gửi ngân hàng của công ty	667.118.493
Lãi vay hỗ trợ kinh doanh	15.460.683.997
Lãi phân phối của quỹ hỗ trợ thanh toán	155.995.943
Doanh thu quản lý cổ đông	140.545.454
Doanh thu khác	91.988.318
Cộng	46.211.037.163



20. Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động kinh doanh (*)	21.537.417.641	59.614.047.970
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.841.919.978	15.820.909.227
Tổng	60.379.337.619	75.434.957.197

(*) Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2010 bao gồm :

Chi phí chung	2.268.456.812
Lãi trả nhà đầu tư	1.322.103.913
Phí môi giới	1.919.192.531
Lãi vay	1.631.627.542
Chi phí tự doanh	7.965.197.944
Dự phòng	662.443.058
Lương, các khoản theo lương	3.795.528.742
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	541.645.099
Hoa hồng	1.431.022.000
Cộng	21.537.417.641

(**) Chi phí quản lý năm 2010 bao gồm :

Chi phí	4.096.183.932
Khấu hao	3.547.045.710
Thuế văn phòng	3.153.459.430
Dự phòng	23.172.389.596
Lương, các khoản theo lương	4.116.528.195
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	418.532.821
Thù lao Hội đồng quản trị (thành viên trực tiếp điều hành)	337.780.294
Cộng	38.841.919.978

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành :

Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.938.134.833
Các khoản điều chỉnh làm tăng thu nhập tính thuế	849.438.609
- Chi phí không có hóa đơn	126.930.091
- Thuế truy thu và phạt vi phạm hành chính	58.300.000
- Chi phí không liên quan đến doanh thu	248.821.398
- Các khoản chi phí trích trước mà chưa chi	415.387.120
Các khoản điều chỉnh làm giảm thu nhập tính thuế	0
Lợi nhuận tính thuế	9.787.573.442
Chuyển lỗ	(9.787.573.442)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0
Số lỗ còn được chuyển đầu kỳ	(169.740.487.286)
Số lỗ sẽ được chuyển trong kỳ tới	(159.952.913.844)

22. Những thông tin khác

Thay đổi chung về chính sách kế toán của Nhà nước :

- Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% và các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ và các khoản mục công nợ có gốc ngoại tệ được áp dụng theo Thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009 và Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm hàng hóa công trình xây lắp tại doanh nghiệp theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành. Riêng dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho Công ty chứng khoán hiện vẫn chưa có qui định cụ thể nên Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán căn cứ Thông tư trên.
- Quản lý tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Số liệu so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam trên cơ sở có điều chỉnh lại số dư đầu kỳ của khoản mục Phải trả khác và Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Người lập biểu



Chi Hồng Thanh

Kế toán trưởng



Trần Chí Rõng

TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc

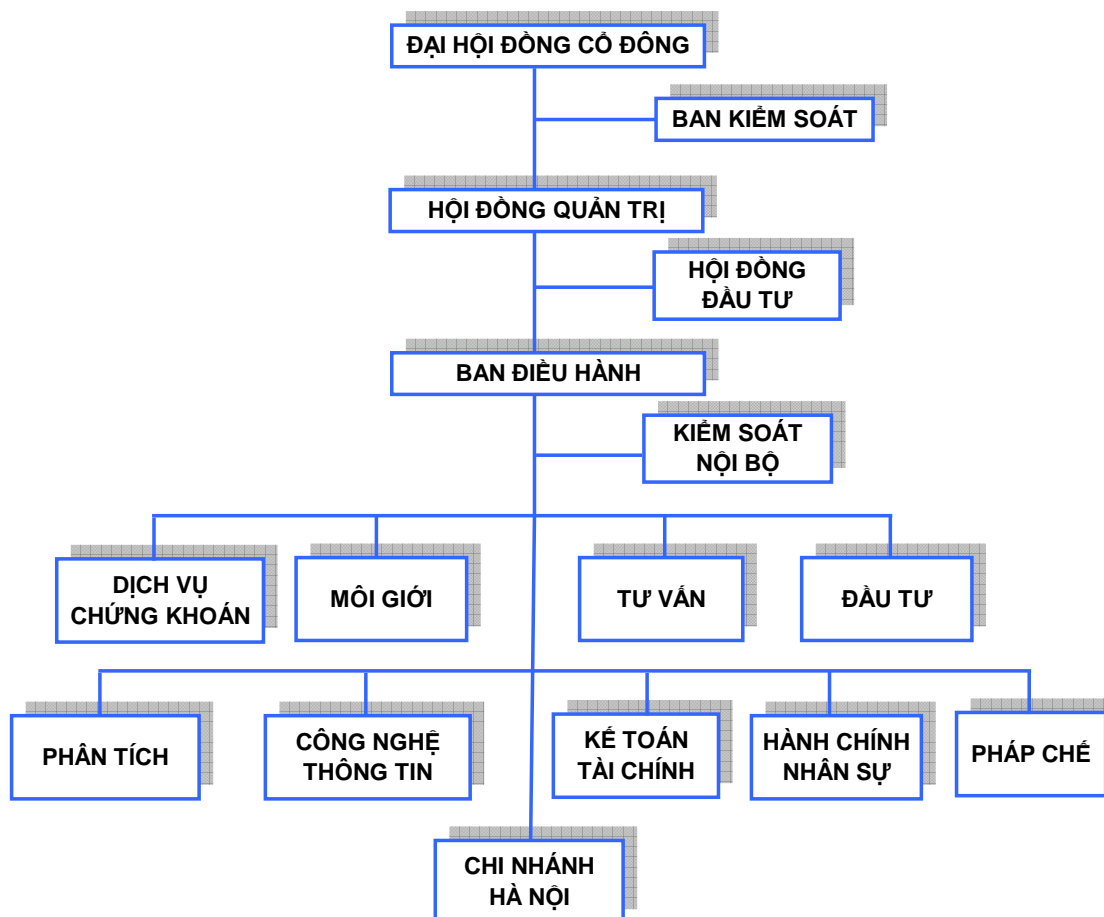


Nguyễn Hữu Lý



V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



2. BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Lý	Q TGD
2	Đào Thị Ngọc Huyền	PGĐ CN

❖ Ông Nguyễn Hữu Lý - Quyền Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Lý, sinh ngày 10/3/1966, được bổ nhiệm Phó TGD của DVSC từ tháng 3/2010, sau đó được bổ nhiệm Quyền TGD từ tháng 9/2010. Trước khi về DVSC, ông Lý từng là Phó TGD kiêm GD Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán SME và TGD Công ty CP Chứng khoán Miền Nam.

Ông Lý có bằng Thạc sỹ chương trình Cao học Đại học Preston – Hoa Kỳ.

❖ Bà Đào Thị Ngọc Huyền – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bà Đào Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 20/3/1978, được bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội từ 01/4/2010. Trước khi về DVSC, bà Huyền từng là Trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán Việt Nam.

Bà Huyền có bằng cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán trường ĐHTM Hà Nội.

3. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

- ❖ Ông Hoàng Văn Tụ - miễn nhiệm Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 06/9/2010.
- ❖ Ông Nguyễn Hữu Lý - bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 06/9/2010.

4. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BĐH, BKS, KTT

❖ Thành viên HĐQT:

- + Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Thái Tấn Dũng và bà Võ Thị Huyền Lan từ ngày 21/7/2010
- + ĐHĐCĐ lần 4 năm 2010 đã bầu lại HĐQT như sau:

Ông Hứa Xường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Đỗ Hoàng Linh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Bà Ngô Nguyễn Đoàn Trang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Ngô Trí Đức	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Bà Lê Thị Bích Thủy	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Nguyễn Thành Duy	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010

❖ Thành viên Ban điều hành:

- + Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Lý giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 17/3/2010;
- + Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Lý giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội từ ngày 24/5/2010;
- + Bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Hữu Lý từ ngày 6/9/2010 đến 6/12/2010;
- + Gia hạn chức vụ Quyền Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Hữu Lý từ ngày 6/12/2010 đến 6/3/2011.

❖ Ban kiểm soát:

ĐHĐCĐ lần 4 năm 2010 đã thông qua việc lưu nhiệm thành viên Ban kiểm soát như sau:

Ông Mai Thành Phú	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Thương Chí Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/07/2010

❖ Kế toán trưởng:

Ngày 01/01/2010, Chủ tịch HĐQT đã ký quyết định bổ nhiệm bà Trần Thị Rồng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hứa Xường	CT HĐQT
2	Đỗ Hoàng Linh	TV HĐQT
3	Ngô Nguyễn Đoàn Trang	TV HĐQT
4	Ngô Trí Đức	TV HĐQT
5	Trịnh Thị Tuyết Minh	TV HĐQT
6	Lê Thị Bích Thủy	TV HĐQT
7	Nguyễn Thành Duy	TV HĐQT

Ông Hứa Xường – Chủ tịch HĐQT

Ông Xường sinh ngày 03/8/1952. Ông hiện là thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Tín (TrustBank). Trước khi trở thành thành viên HĐQT TrustBank vào tháng 12/2008, ông là thành viên BKS của ngân hàng này, từng là TGD Công ty TNHH Phú Mỹ và là thành viên HĐQT của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Mỹ, Công ty Lam Giang...

Ông Xường tốt nghiệp Đại học Khoa học Sài Gòn và đã trải qua các khoá đào tạo về CFO, CEO, kinh doanh địa ốc, nghiệp vụ kế toán-tài chính-ngân hàng... Ông trở thành Chủ tịch HĐQT của DVSC ngày 26/9/2009.

Ông Đỗ Hoàng Linh – Thành viên HĐQT

Ông Linh sinh ngày 04/6/1970. Ông hiện là Phó TGD TrustBank. Trước khi về ngân hàng này, ông Linh làm Phó TGD Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn-Thái Sơn từ tháng 6/2008-4/2009. Trước đó, ông Linh làm Trưởng phòng Nghiên cứu-Phát triển Ngân hàng TMCP Việt Á.

Ông Linh tốt nghiệp Đại học Ngân hàng và Đại học Kinh tế TP HCM ngành Tài chính-Ngân hàng. Ông cũng trải qua Khóa đào tạo Giám đốc Kinh doanh của Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển, 2 khoá đào tạo về TTCK của NHNN, Khóa đào tạo về nghiệp vụ tài trợ thương mại của HSBC, Khóa đào tạo về Quản lý rủi ro ngân hàng của Bank Training Co. Ltd. (BTC) và Khóa đào tạo về kỹ năng tiếp thị trên mạng của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Bà Ngô Nguyễn Đoàn Trang – Thành viên HĐQT

Bà Trang sinh ngày 02/01/1982. Bà hiện là Giám đốc Khối nguồn vốn & Thanh toán quốc tế của TrustBank. Bà từng là Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Asia Phú Mỹ.

Bà Trang tốt nghiệp Đại học Wales (Singapore) với bằng Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Đại học Portsmouth (Singapore) với bằng Cử nhân Thương mại điện tử, Cao đẳng tại trường Đại học MDIS về Quản lý điều hành và Cao đẳng tại trường Đại học Infomatics (Singapore) về Công nghệ thông tin.

Ông Ngô Trí Đức – Thành viên HĐQT

Ông Đức sinh ngày 12/11/1974. Ông hiện là Phó TGD kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn TrustBank. Trước đây ông Đức từng là chuyên viên Phòng Quản lý Ngoại hối NHNN-Chi nhánh TPHCM, GD Phòng giao dịch Hoàng Văn Thụ và GD Chi nhánh Q5 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB Bank).

Ông Đức tốt nghiệp các trường Đại học Ngân hàng, Đại học Kinh tế và Học viện Hành chính Quốc gia.

Bà Trịnh Thị Tuyết Minh – Thành viên HĐQT

Bà Minh sinh ngày 13/8/1962. Bà hiện là Phó TGD Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Sài Gòn (Sabeco), Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung, thành viên HĐQT Công ty CP Thủy Điện Miền Nam. Bà Minh từng là Kế toán trưởng Sabeco, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Yên.

Bà Minh tốt nghiệp Khoa Kinh tế Công nghiệp và Khoa Quản trị Kinh doanh Đại học Kinh tế TPHCM.

Bà Lê Thị Bích Thủy – Thành viên HĐQT

Bà Thủy sinh ngày 24/11/1967. Bà hiện là Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Song Minh Thủy, Chủ tịch HĐTV kiêm TGD Công ty TNHH Bích Thủy, Chủ tịch HĐTV Rainbow School. Bà Thủy từng là Kiểm soát viên VPBank, Phó Chủ tịch HĐQT Đại Á Bank...

Bà Thủy tốt nghiệp khoa Nga, Đại học Ngoại ngữ Quốc gia Hà Nội, và ngành Kinh tế Ngoại thương Đại học Ngoại Thương Hà Nội.

Ông Nguyễn Thành Duy – Thành viên HĐQT

Ông Duy sinh ngày 15/02/1955. Ông hiện là Chủ tịch kiêm TGD Công ty Điện Lực 2, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy Điện Miền Nam và Công ty CP Thủy Điện Miền Trung.

Ông Duy tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TPHCM chuyên ngành Điện.

2. BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Thành Phú	Trưởng BKS
2	Nguyễn Văn Hòa	TV BKS
3	Thương Chí Minh	TV BKS

Ông Mai Thành Phú – Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Phú sinh ngày 13/8/1969. Ông hiện là Phó TGD Công ty CP Ky Vy. Trước đây ông Phú từng là Giám đốc điều hành Công ty dệt Thái Tấn, Trợ lý Giám đốc điều hành Công ty CP Ky Vy và Giám đốc tài chính Công ty A&B VN.

Ông Phú có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Hòa sinh ngày 01/6/1969. Ông hiện là Kế toán trưởng Ngân hàng Á Châu - Hội sở. Trước đây ông Hòa từng là Kế toán trưởng Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng, Phó phòng Kế toán Ngân hàng Á Châu - Hội sở.

Ông Hòa Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán.

Ông Thương Chí Minh – Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Minh sinh ngày 20/08/1972. Ông hiện là Thành viên BKS Công ty Du lịch Delta và là Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Bao bì Á Châu. Trước đây ông Minh từng là Giám đốc DNTN KS Hoa Kiều và Thành viên BKS Công ty CP Đông Hải.

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành QTKD và Ngoại ngữ .

3. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Tại thời điểm 31/12/2010, DVSC có vốn điều lệ là 250 tỷ đồng, tương ứng với 25 triệu cổ phần được nắm giữ bởi 631 cổ đông, trong đó 5 cổ đông nước ngoài nắm tổng cộng 193.000 cổ phần (chiếm 0,77%).

Cổ đông nắm giữ từ 5%, 10%, 50% và 75% vốn điều lệ:

STT	Họ và tên (tên giao dịch đối với tổ chức) cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp	CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Ngày thay đổi
1	NH TMCP Đại Tín	1100176136	427 Lô 6 Cư xá Thanh Đa P27, Bình Thạnh, TPHCM	10.05%	26/10/2009
2	Ngô Nguyễn Đoan Trang	024972551	426 Nguyễn Thị Minh Khai P5, Q3, TPHCM	9.63%	15/10/2009
3	Ngô Trí Đức	022516547	96 Nguyễn Thượng Hiền P1, Gò Vấp, TPHCM	9.62%	16/10/2009
4	Đỗ Hoàng Linh	024332159	D17 Cư xá Hải Nam, Phan Đăng Lưu, P3, Bình Thạnh, TPHCM	9.60%	15/10/2009
5	Lê Thị Bích Thủy	011223657	26-28 Lê Thái Tổ Hoàn Kiếm, Hà Nội	7.22%	13/4/2010
6	TCT Điện Lực Miền Nam	4106000123	72 Hai Bà Trưng, Q1, TPHCM	7.20%	02/3/2007
7	NH TMCP Đại Á	059169	56-58 CMT8, P. Quyết Thắng Biên Hòa, Đồng Nai	7.20%	05/3/2007
8	TCT Rượu-Bia-NGK Sài Gòn	4106000286	6 Hai Bà Trưng, Q1, TPHCM	7.20%	26/02/2007
9	Lâm Hồng Trinh	022367187	16 Phú Đồng Thiên Vương P11, Q5, TPHCM	5.54%	26/10/2009